S đồ Use Case tổng quan:

A diagram of a diagram

AI-generated content may be incorrect.

Hình 1.1. Use case tổng quát

# - PHÂN TÍCH CÁC TÁC NHÂN VÀ CHỨC NĂNG HỆ THỐNG

## 2.1 Tác nhân

* Khách hàng: là người thuê phòng hoặc sử dụng dịch vụ trong khách sạn. Có thể đặt phòng, yêu cầu đổi/trả phòng, đăng ký dịch vụ và thanh toán hóa đơn.
* Nhân viên lễ tân: là người trực tiếp làm việc với khách hàng. Thực hiện các chức năng như: đặt phòng, kiểm tra tình trạng phòng, quản lý khách hàng, quản lý dịch vụ, lập hóa đơn, thống kê doanh thu.
* Quản trị viên hệ thống (admin): là người có quyền cao nhất, phụ trách quản lý tài khoản nhân viên, quản lý tiện nghi, lập báo cáo tổng hợp và kiểm soát toàn bộ hoạt động hệ thống.

## 2.2 Danh sách chức năng chính (ca sử dụng)

* Đặt phòng, đổi phòng, trả phòng.
* Kiểm tra tình trạng phòng (phòng trống, có khách, đang dọn dẹp).
* Quản lý thông tin khách hàng (thêm, sửa, xóa, tìm kiếm).
* Đăng ký sử dụng dịch vụ.
* Quản lý nhân viên và tài khoản nhân viên.
* Quản lý tiện nghi phòng.
* Lập hóa đơn thanh toán.
* Lập báo cáo (doanh thu, tình trạng phòng, danh sách khách hàng).

## 2.3 Sơ đồ use case

### 2.3.1 Quản lý thuê phòng

* Nhân viên tiếp nhận yêu cầu đặt phòng từ khách hàng.
* Kiểm tra phòng trống và tình trạng phòng.
* Nhập thông tin khách hàng, lập phiếu thuê phòng.
* Lưu và in phiếu thuê để giao cho khách.

A diagram of a diagram

AI-generated content may be incorrect.

Hình 2.1. Use case quản lý thuê phòng

### 2.3.2 Quản lý trả phòng

* Nhân viên đăng nhập vào hệ thống.
* Kiểm tra thông tin khách hàng và tình trạng phòng.
* Thực hiện xác nhận trả phòng, cập nhật trạng thái phòng sang “đang dọn dẹp” hoặc “trống”.
* Hệ thống lưu thông tin trả phòng và cập nhật giao diện hiển thị.

A diagram of a diagram

AI-generated content may be incorrect.

Hình 2.2. Use case quản lý trả phòng

### 2.3.3 Quản lý đổi phòng

* Nhân viên tiếp nhận yêu cầu đổi phòng từ khách hàng.
* Kiểm tra danh sách phòng trống.
* Cập nhật thông tin phòng mới cho khách hàng và trạng thái phòng cũ.
* Lưu thông tin đổi phòng vào hệ thống.

A diagram of a diagram

AI-generated content may be incorrect.

Hình 2.3. Use case quản lý đổi phòng

### 2.3.4 Quản lý thống kê

* Nhân viên và quản trị viên truy cập chức năng thống kê.
* Xem và xuất báo cáo theo ngày, tháng, năm về doanh thu, số lượng khách hàng, tình trạng phòng.
* Lưu báo cáo phục vụ công tác quản lý.

A diagram of a diagram

AI-generated content may be incorrect.

Hình 2.4. Use case quản lý thống kê

### 2.3.5 Quản lý tài khoản

* Quản trị viên đăng nhập với quyền cao nhất.
* Thực hiện các thao tác thêm, sửa, xóa tài khoản nhân viên.
* Cấp quyền truy cập phù hợp với từng tài khoản.
* Xem chi tiết quyền hạn và thông tin đăng nhập của từng nhân viên.

A diagram of a person with text

AI-generated content may be incorrect.

Hình 2.5. Use case quản lý tài khoản

### 2.3.6 Quản lý phòng

* Quản trị viên đăng nhập và thực hiện thêm/sửa/xóa phòng.
* Nhập đầy đủ thông tin về mã phòng, loại phòng, trạng thái (trống, có khách, đang dọn dẹp).
* Hệ thống lưu thông tin và cập nhật giao diện phòng.

A diagram of a person with text

AI-generated content may be incorrect.

Hình 2.6. Use case quản lý phòng đã đặt

### 2.3.7 Quản lý tin nhắn

* Quản trị viên tiếp nhận và xử lý tin nhắn từ khách hàng gửi qua hệ thống.
* Đánh dấu tin nhắn đã đọc hoặc chưa đọc.
* Lưu trữ lịch sử trao đổi để quản lý chăm sóc khách hàng.

Hình 2.7. Use case quản lý tin nhắn

* A diagram of a person with text

  AI-generated content may be incorrect.

### 2.3.8 Quản lý thanh toán

* Quản trị viên quản lý toàn bộ quy trình thanh toán.
* Sau khi khách trả phòng, hệ thống tổng hợp chi phí phòng và dịch vụ.
* Lập hóa đơn, in và lưu trữ hóa đơn trong hệ thống để phục vụ báo cáo tài chính.

A diagram of a person with text

AI-generated content may be incorrect.

Hình 2.8. Use case quản lý thanh toán

## 2.4 Sơ đồ activity

### 3.2.1 Quản lý thuê phòng

A diagram of a computer

AI-generated content may be incorrect.

Hình 2.9. Activity quản lý thuê phòng

### 2.4.2 Quản lý trả phòng

A diagram of a company

AI-generated content may be incorrect.

Hình 2.10. Activity quản lý trả phòng

### 

### 2.4.3 Quản lý đổi phòng

A diagram of a computer

AI-generated content may be incorrect.

Hình 2.11. Activity quản lý đổi phòng

### 2.4.4 Quản lý thống kê

A diagram of a diagram

AI-generated content may be incorrect.

Hình 2.12. Activity quản lý thống kê

### 2.4.5 Quản lý tài khoản

**A diagram of a diagram

AI-generated content may be incorrect.**

Hình 2.13. Activity quản lý tài khoản

### 2.4.6 Quản lý phòng đã đặt

A diagram of a diagram

AI-generated content may be incorrect.

Hình 2.14. Activity quản lý phòng đã đặt

### 2.4.7 Quản lý tin nhắn

A diagram of a diagram

AI-generated content may be incorrect.

Hình 2.15. Activity quản lý tin nhắn

### 2.4.8 Quản lý thanh toán

A diagram of a diagram

AI-generated content may be incorrect.

Hình 2.16. Activity quản lý thanh toán

## 2.5 Sơ đồ sequence

### 2.5.3 Quản lý thuê phòng

A diagram of a diagram

AI-generated content may be incorrect.

Hình 2.17. Sequence quản lý thuê phòng

### 2.5.2 Quản lý trả phòng

**A diagram of a diagram

AI-generated content may be incorrect.**

Hình 2.18. Sequence quản lý trả phòng

### 2.5.3 Quản lý đổi phòng

A diagram of a project

AI-generated content may be incorrect.

Hình 2.19. Sequence quản lý đổi phòng

### 2.5.4 Quản lý thống kê

A diagram of a diagram

AI-generated content may be incorrect.

Hình 2.20. Sequence quản lý thống kê

### 2.5.5 Quản lý tài khoản

A graph with a diagram

AI-generated content may be incorrect.

Hình 2.21. Sequence quản lý tài khoản

### 2.5.6 Quản lý phòng đã đặt

A graph with a diagram

AI-generated content may be incorrect.

Hình 2.22. Sequence quản lý phòng đã đặt

### 2.5.7 Quản lý tin nhắn

A graph with a diagram

AI-generated content may be incorrect.

Hình 2.23. Sequence quản lý tin nhắn

### 2.5.8 Quản lý thanh toán

**A diagram of a graph

AI-generated content may be incorrect.**

Hình 2.24. Sequence quản lý thanh toán

## 2.6 Sơ đồ class

A diagram of a hotel

AI-generated content may be incorrect.

Hình 2.25. Sơ đồ class tổng quát